

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15); Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai, nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 28 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 “đ) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thu hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố;”

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng 1 như

sau: “*Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng) 5.310.000; Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ) 25.500*”.

Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội, trong đó tại khoản 2 Điều 4 Nghị định quy định: “*Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 540.000 đồng/tháng*”. Mức chuẩn trợ giúp xã hội này là mức tối thiểu. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định quy định: “*Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”:

a) *Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;*

b) *Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội với mức chuẩn trợ giúp xã hội là **360.000 đồng/tháng**, HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố) đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với mức chuẩn trợ giúp xã hội là **400.000 đồng/tháng**, tỷ lệ cao hơn mức chuẩn của Trung ương là 11% (40.000 đồng/tháng). Như vậy, chính quyền tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố) trước đây đã rất quan tâm đến đời sống của các nhóm đối tượng yếu thế, thể hiện chính sách đặc thù của địa phương luôn mở rộng một số nhóm đối tượng thụ hưởng và mức trợ cấp cao hơn chính sách chung của Chính phủ quy định, điều này phù hợp với sự phát triển về kinh tế, xã hội của địa phương với vai trò là một trong số ít địa phương phát triển đứng đầu của cả nước và cũng nằm trong nhóm 05 địa phương duy trì được mức trợ cấp cao hơn mức Chính phủ quy định.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2024 là **500.000 đồng/tháng**. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với mức chuẩn trợ giúp xã hội là **500.000 đồng/tháng**, bằng mức chuẩn của Trung ương.

Đối tượng mở rộng, khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND được áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội là **500.000 đồng/tháng** từ ngày 01/7/2024 đến nay.

Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của

HĐND tỉnh Đồng Nai từ 15/10/2024 đến 30/6/2026: Mức chuẩn hỗ trợ 500.000 đồng/tháng cho các đối tượng mở rộng của tỉnh (bằng Chính phủ quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2024 là **500.000 đồng/tháng**), số đối tượng mở rộng của thành phố được thụ hưởng chính sách riêng từ năm 2022 đến nay là 9.348 người, **kinh phí là 53.443,5 triệu đồng** (Trong đó năm 2022 kinh phí là 3.744,1 triệu đồng, năm 2023 kinh phí là 9.252,1 triệu đồng, năm 2024 kinh phí là 17.522,0 triệu đồng, năm 2025 kinh phí là 17.547,9; tám tháng đầu năm 2026 kinh phí là 5.377,4 triệu đồng).

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội. Theo đó, đối tượng hưu trí xã hội hưởng trợ cấp **500.000 đồng/tháng** từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở tách nhóm đối tượng người cao tuổi theo điểm b, c khoản 5, Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP¹ và các đối tượng tại điểm đ, e khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NĐ-HĐND² sang hưởng chính sách hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP³.

Ngay từ khi Bộ Y tế dự thảo trình Chính phủ mức chuẩn trợ giúp xã hội là: 540.000 đồng/tháng và được đăng công báo, Sở Y tế đã có Công văn số 4416/SYT-CSXH ngày 06/8/2026 gửi Sở Tài chính đề nghị có ý kiến về kinh phí chuẩn bị tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố đăng ký xây dựng Nghị quyết về chính sách trợ giúp xã hội. Tại Công văn số 5820/STC-NSNN ngày 12/8/2026 của Sở Tài chính có ý kiến *“để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Trung ương và tăng cường chủ động trong cân đối nguồn lực triển khai thực hiện chính sách cấp thiết trên địa bàn thành phố, Sở Tài chính đề nghị Sở Y tế áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội bằng mức chuẩn khi Chính phủ ban hành quy định về chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội (bao gồm quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội 1) để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền đăng ký xây dựng Nghị quyết về chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố theo quy định; trường hợp, tình hình cân đối ngân sách thành phố giai đoạn 2027-2030 có khả năng đảm bảo đối với mức hỗ trợ tăng hơn so với mức quy định của Chính phủ, Sở Tài chính sẽ phối hợp với Sở Y tế trong việc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức hỗ trợ trên địa bàn thành phố (nếu có)”*.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 335/2026/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội, theo đó mức chuẩn trợ giúp xã hội là: **540.000 đồng/tháng**, Nghị định này có hiệu lực từ ngày 05/10/2026. Đây là mức chi tối thiểu bắt buộc thực hiện theo quy định của Chính phủ, là cơ sở

¹ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

² Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

³ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội

để tính mức hỗ trợ cho đối tượng khó khăn của thành phố; đồng thời mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động đã được điều chỉnh theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ: Mức lương tối thiểu tháng 5.310.000 đồng/tháng; mức lương tối thiểu giờ 25.500 đồng/giờ là cơ sở để tính mức chi phí thuê người chăm sóc đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập khi nằm viện điều trị.

Vì vậy, quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NĐ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 19/2024/NĐ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai) áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội là **500.000 đồng/tháng** không còn phù hợp, cần được thay thế để bảo đảm thống nhất với quy định của Chính phủ.

Từ ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 5820/STC-NSNN ngày 12/8/2026, Sở Y tế cơ quan chủ trì tham mưu UBND thành phố chưa đủ cơ sở đề xuất nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và hưu trí xã hội của thành phố cao hơn mức chuẩn của Chính phủ quy định. Trong thời gian tới, UBND thành phố sẽ tiếp tục giao Sở Y tế, Sở Tài chính căn cứ điều kiện thực tế tham mưu nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và hưu trí xã hội cho phù hợp với địa phương với vai trò là một trong những đầu tàu về phát triển kinh tế. (Hiện nay mức chuẩn trợ giúp xã hội của các tỉnh, thành phố như Thành phố Hồ Chí Minh (650.000 đồng/tháng)⁴, Hà Nội (650.000 đồng/tháng)⁵, Quảng Ninh (700.000 đồng/tháng)⁶, Hải Phòng (700.000 đồng/tháng)⁷.)

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 28 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 “*đ* Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thu hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; ...”

Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP tại khoản 2, Điều 4 quy định “*mức chuẩn trợ giúp xã hội là: 540.000 đồng/tháng;*”, khoản 1, Điều 32 quy định “*Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026*”; khoản 4 Điều 32 quy định “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát danh sách đối tượng đang hưởng*

⁴ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của HĐND Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

⁵ Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội

⁶ Nghị quyết số 90/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030

⁷ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và mức phí chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng

chính sách và quyết định chi trả theo mức tương ứng quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026”.

Đồng Nai là một thành phố mới trực thuộc Trung ương, có tổng thu ngân sách đứng thứ 04 cả nước, việc điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp xã hội cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn đã được quy định tại các Nghị quyết đã ban hành phù hợp với Nghị định số 335/2026/NĐ-CP nhằm kế thừa chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai trước đây, bảo đảm quyền lợi của đối tượng khó khăn của địa phương, thể hiện được sự quan tâm của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đối với đời sống của nhóm đối tượng xã hội yếu thế.

Đồng thời căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP và đề phù hợp với thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cần đưa nội dung Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào Nghị quyết thay thế này để tránh phải ban hành nhiều văn bản vì cùng quy định về công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Nghị quyết mới thay thế các Nghị quyết số 09/2022/NĐ-HĐND, Nghị quyết số 19/2024/NĐ-HĐND và Nghị quyết số 30/2024/NĐ-HĐND do HĐND tỉnh Đồng Nai đã ban hành là cần thiết nhằm kịp thời thể chế hóa quy định của Luật, Nghị định liên quan, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính liên tục trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn; thể hiện được thế mạnh của thành phố về tăng trưởng kinh tế gắn liền với an sinh xã hội.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

a) Quy định mở rộng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn phù hợp với quy định của Luật Phát triển đô thị, Nghị định của Chính phủ, điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của thành phố, góp phần thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đối với công tác an sinh xã hội.

b) Quy định về mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố phù hợp với thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn phải bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16; Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội.

b) Nghị quyết được xây dựng theo hướng kế thừa chính sách mở rộng đối tượng khó khăn đã có của thành phố. Về mức chuẩn trợ giúp xã hội được xác định trên cơ sở phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của thành phố, bảo đảm tính khả thi, không thấp hơn mức chuẩn của Chính phủ.

c) Tiếp tục kế thừa nội dung của Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn thành phố, xây dựng phù hợp với thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

d) Việc ban hành Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với đối tượng đặc thù của thành phố; kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; hồ sơ, thủ tục xét duyệt trợ cấp, mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế và phương thức chi trả trợ cấp cho đối tượng được thực hiện như các đối tượng bảo trợ xã hội tương ứng đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng ở cộng đồng theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội (*trước đây là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ*).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 có hiệu lực vào ngày 01/10/2026 về phát triển hệ thống y tế, an sinh xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định: “*đ) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thụ hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố*”.

Căn cứ Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội có hiệu lực từ ngày **05/10/2026**.

Xét Báo cáo số 283/BC-STP ngày 19/8/2026 của Sở Tư pháp về kết quả rà soát hệ thống VBQPPL và văn bản liên quan đến phân cấp do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai (cũ) và tỉnh Bình Phước (cũ) ban hành còn hiệu lực thi hành, có danh mục phương án, thời hạn tham mưu xử lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai (cũ) và tỉnh Bình Phước (cũ) ban hành còn hiệu lực cần xử lý gồm: *Nghị quyết số 09/2022/NĐ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 19/2024/NĐ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân*

tỉnh Đồng Nai quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày tháng ... năm 2026, Hội đồng nhân dân thành phố có Công văn số/HĐND-VP về việc thống nhất đăng ký xây dựng Nghị quyết UBND thành phố đã giao Sở Y tế xây dựng dự thảo Nghị quyết và gửi lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị liên quan, phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, đăng Cổng thông tin điện tử thành phố.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Sở Y tế đã tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý (Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình kèm theo) và hoàn chỉnh nội dung dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số/SYT-CSXH ngày ... tháng ... năm 2026.

Theo đó, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo số .../STP-XDPBPL ngày ... tháng ... năm 2026 về thẩm định dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Y tế đã tổng hợp, tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết (Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình đính kèm) theo đúng quy định trước khi trình UBND thành phố đề trình HĐND thành phố xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

1.2. Đối tượng áp dụng

(1). Đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Đồng Nai:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc các trường hợp sau:

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng;

- Có cha và mẹ nhưng cả cha và mẹ đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng hoặc không xác định được người cha nhưng có mẹ đang hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng.

b) Người thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất nếu quá trình học liên tục không bị gián đoạn (trừ trường hợp được tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập theo quy định của pháp luật về giáo dục) thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học.

c) Người thuộc hộ nghèo không còn thành viên nào có khả năng lao động đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận tại thời điểm làm hồ sơ đề nghị xét trợ

cấp, không có lương hưu, không có trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, không có trợ cấp xã hội hàng tháng.

d) Đối tượng người khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

đ) Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc Cơ sở trợ giúp xã hội công lập khi nằm viện điều trị phải thuê người chăm sóc.

(2). Cơ quan, đơn vị, tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Bộ cục dự thảo Nghị quyết, gồm: 07 Điều

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức trợ giúp xã hội

Điều 4. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

3.1. Mức trợ giúp xã hội

(1). Đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được trợ cấp xã hội hàng tháng với mức chuẩn trợ giúp xã hội là 540.000 đồng/tháng nhân với hệ số 1,0 và được hưởng đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội; các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội thì Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định nâng mức trợ cấp kèm danh sách đối tượng. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng thì chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ của một đối tượng.

(2). Mức chi hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này như sau:

a) Trường hợp 01 đối tượng bảo trợ xã hội nằm viện phải thuê người chăm sóc được hỗ trợ 612.000 đồng/ngày công 24 giờ (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết).

b) Trường hợp 02 đối tượng bảo trợ xã hội nằm viện phải thuê người chăm sóc ghép được hỗ trợ 918.000 đồng/ngày công 24 giờ (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết).

3.2. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả

Mức chi phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả, mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội, đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và các trường hợp đột xuất khác như sau:

- (1). Đối với phương thức điện tử: Tối đa 0,7% trên tổng số tiền chi trả.
- (2). Đối với phương thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt:
 - a) Tối đa 1,0% trên tổng số tiền chi trả ở khu vực nông thôn (các xã).
 - b) Tối đa 0,9% trên tổng số tiền chi trả ở khu vực đô thị (các phường).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực bảo đảm thực hiện khi chính sách được ban hành

Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết hàng năm, cụ thể: năm 2026 (tháng 10,11,12/2026): 6.606 triệu đồng; năm 2027: 24.465 triệu đồng; năm 2028: 25.665 triệu đồng; năm 2029: 26.966 triệu đồng; năm 2030: 28.096 triệu đồng (Tổng kinh phí giai đoạn 2026 -2030 là 111.798 triệu đồng).

(Kèm theo Phụ lục I, II, III, IV)

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước (được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban nhân dân các xã, phường).

3. Dự kiến thời gian trình thông qua

Nghị quyết dự kiến trình thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai, Ủy ban nhân dân thành phố xin kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:

(1) Báo cáo số/BC-SYT ngày .../.../2026 của Sở Y tế về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/07/2022 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội và Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

(2) Dự thảo Nghị quyết quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

(3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;

(4) *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của sở, ban, ngành;*

(5) *Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Đồng Nai;*

(6) *Báo cáo số/BC-SYT ngày .../.../2026 của Sở Y tế về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đồng Nai).*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND thành phố;
- Ban Văn hóa xã hội HĐND thành phố;
- Các sở, ngành: Tư pháp, Y tế, Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình thành phố;
(đăng Cổng Thông tin điện tử thành phố);
- Lưu: VT, KGVX, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn